TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 25 – 4 – 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Nhàn
- Ông Lê Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Xeo Thái Dịu – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn S. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm X, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 198x và chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 198x. Đều có địa chỉ xóm A cũ (xóm B mới), xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H. Sinh năm 197x. Địa chỉ xóm X, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Thu H làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 13/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vào ngày 03/5/2018 dương lịch tại thành phố Vinh, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1 đến gặp ông Phạm Văn S để xin vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng thì ông Phạm Văn S cũng đồng ý cho vợ chồng ông Hòa – bà Hằng vay số tiền này. Để đảm bảo cho việc vay tiền, hai bên có lập thành văn bản là "Giấy vay tiền mặt" ghi ngày 03/5/2018 dương

lịch. Bà Nguyễn Thị Thu H1 là người viết "Giấy vay tiền mặt ghi ngày 03/5/2018 dương lịch". Nội dung của "Giấy vay tiền mặt ghi ngày 03/5/2018" là để xác nhận việc vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1 vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của ông Phạm Văn S vào ngày 03/5/2018 dương lịch, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 03/5/2018, không tính lãi suất. Sau khi hai bên ký vào "Giấy vay tiền mặt" ghi ngày 03/5/2018 dương lịch thì ông Phạm Văn S trực tiếp giao số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1. Việc giao tiền có người làm chứng là ông Lỗ Năng L. Sau khi hết 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày cho vay đến nay, mặc dù đã nhiều lần vợ chồng ông Phạm Văn S – bà Nguyễn Thị Thu H đã yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn H – bà Nguyễn Thị Thu H1 trả số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng nhưng vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa trả được đồng nào đối với số tiền vay cho vợ chồng ông Phạm Văn S – bà Nguyễn Thị Thu H. Số tiền 200.0000.000 (Hai trăm triệu) đồng mà ông Phạm Văn S cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H1 vay vào ngày 03/5/2018 dương lịch là tiền mà vợ chồng ông Phạm Văn S – bà Nguyễn Thị Thu H vay của Ngân hàng mà có.

Do đó ông Phạm Văn S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Văn H – bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả lại số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Thu H.

Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Thu H tại bản tự khai ngày 27/10/2023: Bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý với ý kiến trình bày của ông Phạm Văn S về quan hệ hôn nhân, nguồn gốc số tiền cho vay và đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024, bà Lê Thị Th (Sinh năm 194x. Địa chỉ xóm B, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) trình bày: Bà Lê Thị Th và ông Lê Văn H (đã chết năm 2005) là bố mẹ đẻ của anh Lê Văn H. Anh Lê Văn H có vợ là Nguyễn Thị Thu H1. Bà Lê Thị Th đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt và đã thông báo cho anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 biết về việc ông Phạm Văn S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lê Văn H – chị Nguyễn Thị Thu H1 trả lại số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng nhưng anh H và chị H1 đều không có ý kiến phản hồi.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho vợ chồng ông Phạm Văn S – bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 đều có địa chỉ tại xóm A cũ (Nay là xóm B), xã S, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn và bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định ngày 03/5/2018 dương lịch vợ chồng anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 vay của vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Hai bên có lập thành văn bản là "Giấy vay tiền mặt" ghi ngày 03/5/2018 dương lịch và ký vào văn bản này. Ông Phạm Văn S đã giao số tiền này cho vợ chồng anh H – chị H. Từ khi hết thời hạn cho vay đến nay, vợ chồng anh H – chị H chưa trả lại tiền cho ông Phạm Văn S. Do đó ông Phạm Văn S khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 trả lại số tiền đã vay là có căn cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn để tham gia tố tụng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho người thân của bị đơn là bà Lê Thị Th (mẹ đẻ của anh Lê Văn H) và bà Lê Thị Th thừa nhận đã thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S cho anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 biết nhưng anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 đều không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bị đơn đã biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng xét số tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị Thu H nên cần buộc anh Lê Văn H,

chị Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Thu H.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Thu H.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 10.0000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà